TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 16-Phòng Thanh tra pháp chế, BVQS

Tháng 11 năm 2019

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương phép		Lương 100%		Lương QS-ĐD-DT ƯCSC		Lương khác		Giờ PN	PC BCHQS	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ										Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương			HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Phí ở chung cư	Tham quan	Trừ ăn TĐ	Thuế TNCN			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**118**			**55.327.050**	**5**	**1.556.731**	**5**	**1.484.154**						**626.000**	**0,37**	**1.067.550**	**60.061.485**	**3.087.500**	**579.100**	**386.200**	**600.600**	**275.000**	**28.600**		**2.300.000**		**1.137.350**	**8.394.350**	**51.667.135**	
1	HL-06228	Phạm Hải Hưng	Trưởng phòng	8.240.000	22	A		13.158.450			1	316.923						328.000			13.803.373	659.300	123.700	82.500	138.000	55.000	28.600				1.137.350	2.224.450	11.578.923	
2	HL-00082	Nguyễn Đắc Hiếu	Phó phòng	8.095.000	22	A		10.542.150	5	1.556.731	1	311.346							0,30	447.000	12.857.227	647.700	121.500	81.000	128.600	55.000						1.033.800	11.823.427	
3	HL-00068	Hà Trung Kiên	Phó phòng	6.843.000	26	A		10.542.150			1	263.192									10.805.342	547.500	102.700	68.500	108.100	55.000						881.800	9.923.542	
4	HL-01396	Nguyễn Kim Cương	Phó phòng	8.865.000	22	A		10.542.150			1	340.962						298.000	0,07	620.550	11.801.662	709.300	133.000	88.700	118.000	55.000			2.300.000			3.404.000	8.397.662	
5	HL-02807	Phạm Minh Tuấn	Phó phòng	6.545.000	26	A		10.542.150			1	251.731									10.793.881	523.700	98.200	65.500	107.900	55.000						850.300	9.943.581	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**89**			**30.396.200**	**5**	**991.154**	**4**	**826.154**			**4**	**1.500.000**	**61.680**				**33.775.188**	**1.718.700**	**322.500**	**215.000**	**337.900**	**220.000**					**85.000**	**2.899.100**	**30.876.088**	
6	HL-06190	Trần Nhật Nam	Chuyên viên	4.908.000	19	A		7.237.100			1	188.769									7.425.869	392.700	73.700	49.100	74.300	55.000						644.800	6.781.069	
7	HL-00971	Vũ Minh Phương	Chuyên viên	6.264.000	26	A		8.684.900			1	240.923									8.925.823	501.200	94.000	62.700	89.300	55.000						802.200	8.123.623	
8	HL-00153	Đỗ Mạnh Tưởng	Chuyên viên	5.154.000	22	A		7.237.100			1	198.231									7.435.331	412.400	77.400	51.600	74.400	55.000						670.800	6.764.531	
9	HL-00934	Đỗ Phương Anh	Chuyên viên	5.154.000	22	A		7.237.100	5	991.154	1	198.231			4	1.500.000	61.680				9.988.165	412.400	77.400	51.600	99.900	55.000					85.000	781.300	9.206.865	
3	**20**	**Tổ bảo vệ**			**265**		**76.290**	**76.298.758**	**69**	**13.444.960**	**12**	**2.365.190**	**14**	**4.900.000**							**97.008.908**	**4.920.000**	**923.100**	**615.800**	**970.100**	**660.000**		**559.750**	**500.000**			**9.148.750**	**87.860.158**	
10	HL-02978	Vũ Văn Mạnh	Tổ trưởng bảo vệ	5.051.000	24	A	5.880	5.880.675	15	2.914.038	1	194.269									8.988.982	404.100	75.800	50.600	89.900	55.000						675.400	8.313.582	
11	HL-02922	Đặng Tuấn Anh	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	5.746	5.746.660			1	194.269									5.940.929	404.100	75.800	50.600	59.400	55.000						644.900	5.296.029	
12	HL-02046	Nguyễn Hồng Quân	NV bảo vệ	5.287.000	26	A	5.902	5.902.678			1	203.346									6.106.024	423.000	79.400	52.900	61.100	55.000						671.400	5.434.624	
13	HL-01011	Nguyễn Văn Lễ	NV bảo vệ	5.231.000	20	A	5.740	5.740.659	6	1.207.154	1	201.192									7.149.005	418.500	78.500	52.400	71.500	55.000						675.900	6.473.105	
14	HL-01912	Phạm Quang Tuyến	NV bảo vệ	4.810.000	20	A	8.200	8.200.941	6	1.110.000	1	185.000									9.495.941	384.900	72.200	48.200	95.000	55.000						655.300	8.840.641	
15	HL-00159	Cao Văn Khải	NV bảo vệ	5.287.000	23	A	6.095	6.095.700			1	203.346									6.299.046	423.000	79.400	52.900	63.000	55.000						673.300	5.625.746	
16	HL-03114	Đỗ Văn Đăng	NV bảo vệ	5.051.000	13	A	6.344	6.344.728	6	1.165.615	1	194.269	7	2.450.000							10.154.612	404.100	75.800	50.600	101.500	55.000		236.100				923.100	9.231.512	
17	HL-02826	Đinh Vĩnh Thành	Bảo vệ cơ động	5.287.000	19	A	5.491	5.491.630			1	203.346	7	2.450.000							8.144.976	423.000	79.400	52.900	81.400	55.000						691.700	7.453.276	
18	HL-00158	Bùi Văn Vượng	Đội phó bảo vệ	5.287.000	20	A	7.060	7.060.810	6	1.220.077	1	203.346									8.484.233	423.000	79.400	52.900	84.800	55.000						695.100	7.789.133	
19	HL-00161	Đỗ Trọng Huấn	Tổ trưởng cơ động	5.051.000	24	A	5.280	5.280.606	15	2.914.038	1	194.269									8.388.913	404.100	75.800	50.600	83.900	55.000			500.000			1.169.400	7.219.513	
20	HL-00069	Vũ Tuấn Linh	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	7.280	7.280.836			1	194.269									7.475.105	404.100	75.800	50.600	74.800	55.000						660.300	6.814.805	
21	HL-00133	Nguyễn Viết Ân	NV bảo vệ	5.051.000	24	A	7.272	7.272.835	15	2.914.038	1	194.269									10.381.142	404.100	75.800	50.600	103.800	55.000		323.650				1.012.950	9.368.192	
4	**21**	**Tổ bảo vệ KV Hà Ráng - Khe Tam**			**628**		**257.006**	**257.035.502**	**246**	**47.560.922**	**30**	**5.813.264**	**7**	**2.450.000**				**850.000**			**313.709.688**	**12.092.900**	**2.268.700**	**1.513.800**	**3.137.200**	**1.650.000**		**953.000**		**650.000**	**425.000**	**22.690.600**	**291.019.088**	
22	HL-02417	Lý Văn Lâm	NV bảo vệ	4.745.000	23	A	7.590	7.590.871	13	2.372.500	1	182.500									10.145.871	379.700	71.200	47.500	101.500	55.000						654.900	9.490.971	
23	HL-02362	Đặng Hữu Đoàn	NV bảo vệ	4.581.000	19	A	8.208	8.208.942	7	1.233.346	1	176.192									9.618.480	366.500	68.800	45.900	96.200	55.000						632.400	8.986.080	
24	HL-02141	Bùi Trọng Sơn	Đội trưởng bảo vệ	5.287.000	20	A	9.120	9.121.047	6	1.220.077	1	203.346									10.544.470	423.000	79.400	52.900	105.400	55.000						715.700	9.828.770	
25	HL-02139	Bùi Đức Huấn	NV bảo vệ	5.051.000	21	A	7.434	7.434.853	5	971.346	1	194.269									8.600.468	404.100	75.800	50.600	86.000	55.000						671.500	7.928.968	
26	HL-02115	Nguyễn Văn Tung	Tổ trưởng cơ động	4.982.000	26	A	11.414	11.415.310			1	191.615									11.606.925	398.600	74.800	49.900	116.100	55.000						694.400	10.912.525	
27	HL-01789	Nguyễn Văn Hà	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	6.968	6.968.800			1	194.269									7.163.069	404.100	75.800	50.600	71.600	55.000						657.100	6.505.969	

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương phép		Lương 100%		Lương QS-ĐD-DT ƯCSC		Lương khác		Giờ PN	PC BCHQS	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ										Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương			HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Phí ở chung cư	Tham quan	Trừ ăn TĐ	Thuế TNCN			
28	HL-02093	Nguyễn Trung Năm	NV bảo vệ	5.231.000	18	A	9.774	9.775.122	8	1.609.538	1	201.192									11.585.852	418.500	78.500	52.400	115.900	55.000						720.300	10.865.552	
29	HL-02030	Nguyễn Văn Dân	NV bảo vệ	4.810.000	19	A	6.821	6.821.783	7	1.295.000	1	185.000									8.301.783	384.900	72.200	48.200	83.000	55.000						643.300	7.658.483	
30	HL-00800	Hà Văn Huy	Đội phó bảo vệ	5.287.000	26	A	11.414	11.415.310			1	203.346						179.000			11.797.656	423.000	79.400	52.900	118.000	55.000		235.000				963.300	10.834.356	
31	HL-01792	Nguyễn Viết Ninh	NV bảo vệ	5.051.000	18	A	6.984	6.984.802	16	3.108.308	1	194.269									10.287.379	404.100	75.800	50.600	102.900	55.000						688.400	9.598.979	
32	HL-01527	Hoàng Văn Thanh	NV bảo vệ	5.231.000	20	A	6.980	6.980.801	15	3.017.885	1	201.192									10.199.878	418.500	78.500	52.400	102.000	55.000						706.400	9.493.478	
33	HL-01481	Đỗ Văn Cương	NV bảo vệ	5.231.000	20	A	8.520	8.520.978	6	1.207.154	1	201.192									9.929.324	418.500	78.500	52.400	99.300	55.000						703.700	9.225.624	
34	HL-05745	Nguyễn Việt Dũng	NV bảo vệ	4.581.000	26	A	8.840	8.841.015			1	176.192									9.017.207	366.500	68.800	45.900	90.200	55.000						626.400	8.390.807	
35	HL-02135	Triệu Tiến Thắng	NV bảo vệ	4.810.000	21	A	8.526	8.526.979	5	925.000	1	185.000									9.636.979	384.900	72.200	48.200	96.400	55.000						656.700	8.980.279	
36	HL-03641	Nguyễn Hải Đăng	NV bảo vệ	4.810.000	21	A	11.004	11.005.263	13	2.405.000	1	185.000									13.595.263	384.900	72.200	48.200	136.000	55.000					425.000	1.121.300	12.473.963	
37	HL-02237	Vũ Công Phê	NV bảo vệ	4.982.000	19	A	6.042	6.042.694	7	1.341.308	1	191.615									7.575.617	398.600	74.800	49.900	75.800	55.000		227.000		546.000		1.427.100	6.148.517	
38	HL-00932	Đinh Trung Kiên	NV bảo vệ	4.810.000	20	A	9.020	9.021.035	13	2.405.000	1	185.000									11.611.035	384.900	72.200	48.200	116.100	55.000						676.400	10.934.635	
39	HL-02238	Nguyễn Hữu Tú	NV bảo vệ	4.745.000	13	A	4.654	4.654.534	15	2.737.500	1	182.500	7	2.450.000				149.000			10.173.534	379.700	71.200	47.500	101.700	55.000						655.100	9.518.434	
40	HL-00279	Cao Văn Trường	Tổ trưởng cơ động	5.287.000	18	A	10.458	10.459.201	15	3.050.192	1	203.346						149.000			13.861.739	423.000	79.400	52.900	138.600	55.000						748.900	13.112.839	
41	HL-00524	Nguyễn Trọng Phượng	Bảo vệ cơ động	5.287.000	26	A	11.050	11.051.269			1	203.346									11.254.615	423.000	79.400	52.900	112.500	55.000						722.800	10.531.815	
42	HL-00221	Nguyễn Quốc Cường	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	7.904	7.904.907	8	1.554.154	1	194.269									9.653.330	404.100	75.800	50.600	96.500	55.000						682.000	8.971.330	
43	HL-00240	Nguyễn Văn Quyết	Tổ trưởng bảo vệ	5.051.000	20	A	10.220	10.221.173	6	1.165.615	1	194.269									11.581.057	404.100	75.800	50.600	115.800	55.000		172.000				873.300	10.707.757	
44	HL-00719	Trịnh Trọng Thủy	NV bảo vệ	4.810.000	20	A	10.220	10.221.173	6	1.110.000	1	185.000									11.516.173	384.900	72.200	48.200	115.200	55.000						675.500	10.840.673	
45	HL-01480	Phạm Trung Kiên	NV bảo vệ	5.051.000	19	A	6.973	6.973.800	7	1.359.885	1	194.269									8.527.954	404.100	75.800	50.600	85.300	55.000				104.000		774.800	7.753.154	
46	HL-00325	Vũ Văn Khả	NV bảo vệ	5.231.000	16	A	5.600	5.600.643	10	2.011.923	1	201.192									7.813.758	418.500	78.500	52.400	78.100	55.000						682.500	7.131.258	
47	HL-00152	Nguyễn Đức Thuận	NV bảo vệ	5.051.000	21	A	9.303	9.304.068	15	2.914.038	1	194.269									12.412.375	404.100	75.800	50.600	124.100	55.000						709.600	11.702.775	
48	HL-00073	Khổng Thanh Sơn	Đội trưởng bảo vệ	5.966.000	20	A	11.000	11.001.263	6	1.376.769	1	229.462						224.000			12.831.494	477.300	89.500	59.700	128.300	55.000						809.800	12.021.694	
49	HL-00071	Nguyễn Văn Nam	NV bảo vệ	5.051.000	21	A	9.618	9.619.104	15	2.914.038	1	194.269									12.727.411	404.100	75.800	50.600	127.300	55.000						712.800	12.014.611	
50	HL-02804	Lê Khắc Đạo	Tổ trưởng bảo vệ	5.051.000	19	A	8.379	8.379.962	15	2.914.038	1	194.269									11.488.269	404.100	75.800	50.600	114.900	55.000						700.400	10.787.869	
51	HL-02335	Trần Văn Diên	Bảo vệ cơ động	4.982.000	26	A	6.968	6.968.800	7	1.341.308	1	191.615						149.000			8.650.723	398.600	74.800	49.900	86.500	55.000		319.000				983.800	7.666.923	
5	**23**	**Tổ bảo vệ KV Khe Chàm**			**530**		**145.227**	**145.243.674**	**16**	**3.077.654**	**21**	**4.097.765**	**7**	**2.450.000**				**179.000**			**155.048.093**	**8.524.300**	**1.599.200**	**1.067.100**	**1.550.400**	**1.155.000**		**319.000**				**14.215.000**	**140.833.093**	
52	HL-06523	Dương Đình Thảo	Đội trưởng cơ động	4.810.000	17	A	7.650	7.650.877	9	1.665.000	1	185.000									9.500.877	384.900	72.200	48.200	95.000	55.000						655.300	8.845.577	
53	HL-04215	Nguyễn Mạnh Trường	Tổ trưởng bảo vệ	4.982.000	26	A	6.928	6.928.795			1	191.615									7.120.410	398.600	74.800	49.900	71.200	55.000						649.500	6.470.910	
54	HL-03313	Ngô Văn Hoàng	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	4.240	4.240.487			1	185.000									4.425.487	384.900	72.200	48.200	44.300	55.000						604.600	3.820.887	
55	HL-04209	Nguyễn Văn Thắng	NV bảo vệ	4.982.000	26	A	5.068	5.068.582			1	191.615									5.260.197	398.600	74.800	49.900	52.600	55.000						630.900	4.629.297	
56	HL-02299	Trần Đức Huệ	NV bảo vệ	4.745.000	26	A	3.208	3.208.368			1	182.500									3.390.868	379.700	71.200	47.500	33.900	55.000						587.300	2.803.568	
57	HL-02008	Đào Ngọc Thịnh	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	7.393	7.393.849			1	185.000									7.578.849	384.900	72.200	48.200	75.800	55.000						636.100	6.942.749	
58	HL-01994	Nguyễn Văn Việt	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	7.548	7.548.867			1	194.269									7.743.136	404.100	75.800	50.600	77.400	55.000						662.900	7.080.236	
59	HL-01875	Bùi Văn Huy	NV bảo vệ	5.231.000	26	A	6.463	6.463.742			1	201.192									6.664.934	418.500	78.500	52.400	66.600	55.000						671.000	5.993.934	
60	HL-02152	Đào Văn Bình	Tổ trưởng bảo vệ	5.231.000	26	A	7.516	7.516.863	5	1.005.962	1	201.192									8.724.017	418.500	78.500	52.400	87.200	55.000		319.000				1.010.600	7.713.417	
61	HL-01856	Đoàn Nguyên Thứ	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	8.478	8.478.973			1	194.269									8.673.242	404.100	75.800	50.600	86.700	55.000						672.200	8.001.042	

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương phép		Lương 100%		Lương QS-ĐD-DT ƯCSC		Lương khác		Giờ PN	PC BCHQS	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ										Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương			HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Phí ở chung cư	Tham quan	Trừ ăn TĐ	Thuế TNCN			
62	HL-02892	Nguyễn Văn Hải	NV bảo vệ	5.287.000	26	A	6.688	6.688.768	2	406.692	1	203.346									7.298.806	423.000	79.400	52.900	73.000	55.000						683.300	6.615.506	
63	HL-02038	Phạm Văn Dũng	Đội trưởng bảo vệ	5.682.000	26	A	7.650	7.650.878			1	218.538									7.869.416	454.600	85.300	56.900	78.700	55.000						730.500	7.138.916	
64	HL-02943	Vũ Tuấn Khanh	NV bảo vệ	5.231.000	26	A	7.393	7.393.849			1	201.192									7.595.041	418.500	78.500	52.400	76.000	55.000						680.400	6.914.641	
65	HL-02884	Nguyễn Văn Thuội	Bảo vệ cơ động	5.287.000	26	A	6.688	6.688.768			1	203.346									6.892.114	423.000	79.400	52.900	68.900	55.000						679.200	6.212.914	
66	HL-02827	Nguyễn Hoàng Đồng	Bảo vệ cơ động	5.287.000	19	A	7.393	7.393.849			1	203.346	7	2.450.000							10.047.195	423.000	79.400	52.900	100.500	55.000						710.800	9.336.395	
67	HL-02805	Vũ Nhiên Tản	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	7.516	7.516.863			1	194.269									7.711.132	404.100	75.800	50.600	77.100	55.000						662.600	7.048.532	
68	HL-00446	Vũ Văn Tới	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	7.618	7.618.875			1	194.269									7.813.144	404.100	75.800	50.600	78.100	55.000						663.600	7.149.544	
69	HL-00154	Vũ Ngọc Vần	Tổ trưởng bảo vệ	5.051.000	26	A	7.393	7.393.849			1	194.269									7.588.118	404.100	75.800	50.600	75.900	55.000						661.400	6.926.718	
70	HL-04278	Hoàng Xuân Bá	Đội phó bảo vệ	5.051.000	26	A	6.818	6.818.783			1	194.269						179.000			7.192.052	404.100	75.800	50.600	71.900	55.000						657.400	6.534.652	
71	HL-00718	Nguyễn Tuấn Khải	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	8.062	8.062.926			1	185.000									8.247.926	384.900	72.200	48.200	82.500	55.000						642.800	7.605.126	
72	HL-02828	Tạ Văn Hồng	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	7.516	7.516.863			1	194.269									7.711.132	404.100	75.800	50.600	77.100	55.000						662.600	7.048.532	
6	**24**	**Tổ bảo vệ KV Tân Lập**			**276**		**113.817**	**113.830.066**	**151**	**29.188.425**	**15**	**2.905.229**						**149.000**			**146.072.720**	**5.658.700**	**1.061.500**	**708.400**	**1.460.700**	**825.000**	**2.860.000**	**470.000**				**13.044.300**	**133.028.420**	
73	HL-03004	Nguyễn Hồng Cường	NV bảo vệ	4.810.000	5	A	895	895.103			1	185.000									1.080.103				10.800	55.000						65.800	1.014.303	
74	HL-02422	Nguyễn Văn Tuấn	NV bảo vệ	4.745.000	17	A	8.942	8.943.027	13	2.372.500	1	182.500									11.498.027	379.700	71.200	47.500	115.000	55.000	314.600	235.000				1.218.000	10.280.027	
75	HL-02099	Nguyễn Công Thành	Đội trưởng bảo vệ	5.287.000	22	A	10.736	10.737.232	4	813.385	1	203.346									11.753.963	423.000	79.400	52.900	117.500	55.000						727.800	11.026.163	
76	HL-03934	Trần Huy Toàn	NV bảo vệ	5.051.000	20	A	6.980	6.980.801	16	3.108.308	1	194.269									10.283.378	404.100	75.800	50.600	102.800	55.000	286.000					974.300	9.309.078	
77	HL-00908	Đinh Bá Thi	Đội phó bảo vệ	5.966.000	20	A	9.900	9.901.137	14	3.212.462	1	229.462						149.000			13.492.061	477.300	89.500	59.700	134.900	55.000						816.400	12.675.661	
78	HL-02336	Bùi Công Phóng	NV bảo vệ	4.810.000	20	A	6.980	6.980.801	6	1.110.000	1	185.000									8.275.801	384.900	72.200	48.200	82.800	55.000	286.000					929.100	7.346.701	
79	HL-01838	Dương Văn Chín	NV bảo vệ	4.810.000	18	A	8.064	8.064.926	16	2.960.000	1	185.000									11.209.926	384.900	72.200	48.200	112.100	55.000	343.200					1.015.600	10.194.326	
80	HL-00972	Vũ Viết Trung Dũng	NV bảo vệ	4.581.000	22	A	10.450	10.451.200	14	2.466.692	1	176.192									13.094.084	366.500	68.800	45.900	130.900	55.000		235.000				902.100	12.191.984	
81	HL-01814	Nguyễn Minh Đức	NV bảo vệ	5.051.000	19	A	8.056	8.056.925	7	1.359.885	1	194.269									9.611.079	404.100	75.800	50.600	96.100	55.000	314.600					996.200	8.614.879	
82	HL-03938	Phạm Văn Giáp	Tổ trưởng bảo vệ	4.810.000	19	A	6.973	6.973.800	16	2.960.000	1	185.000									10.118.800	384.900	72.200	48.200	101.200	55.000	314.600					976.100	9.142.700	
83	HL-03802	Vũ Văn Hùng	Tổ trưởng cơ động	5.051.000	16	A	6.480	6.480.744	10	1.942.692	1	194.269									8.617.705	404.100	75.800	50.600	86.200	55.000						671.700	7.946.005	
84	HL-03113	Đinh Hữu Chiến	NV bảo vệ	5.231.000	21	A	6.447	6.447.740	5	1.005.962	1	201.192									7.654.894	418.500	78.500	52.400	76.500	55.000	85.800					766.700	6.888.194	
85	HL-00070	Nguyễn Gia Chính	Tổ trưởng bảo vệ	5.051.000	19	A	7.885	7.885.905	16	3.108.308	1	194.269									11.188.482	404.100	75.800	50.600	111.900	55.000	286.000					983.400	10.205.082	
86	HL-03808	Trịnh Văn Minh	Tổ trưởng bảo vệ	5.051.000	19	A	6.973	6.973.800	7	1.359.885	1	194.269									8.527.954	404.100	75.800	50.600	85.300	55.000	314.600					985.400	7.542.554	
87	HL-03956	Nguyễn Hữu Tiến	Bảo vệ cơ động	5.231.000	19	A	8.056	8.056.925	7	1.408.346	1	201.192									9.666.463	418.500	78.500	52.400	96.700	55.000	314.600					1.015.700	8.650.763	
Tổng cộng					**1.906**		**592.340**	**678.131.250**	**492**	**95.819.846**	**87**	**17.491.756**	**28**	**9.800.000**	**4**	**1.500.000**	**61.680**	**1.804.000**	**0,37**	**1.067.550**	**805.676.082**	**36.002.100**	**6.754.100**	**4.506.300**	**8.056.900**	**4.785.000**	**2.888.600**	**2.301.750**	**2.800.000**	**650.000**	**1.647.350**	**70.392.100**	**735.283.982**	

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 12 năm 2019

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	Nguyễn Văn Thỏa	Đặng Thanh Lam	Phạm Văn Hùng